

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

DHG PHARMA
Vi một cuộc sống khỏe đẹp hơn

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU CHÀO BÁN
CẠNH TRANH CẢ LỖ CỔ PHẦN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẠO VĨNH HẢO**

Cần Thơ, tháng 09 năm 2020

MỤC LỤC

| | |
|---|---|
| I. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN | 1 |
| 1. Tổ chức chào bán..... | 1 |
| 2. Tổ chức được chào bán | 1 |
| II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN CHÀO BÁN | 1 |
| III. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CHÀO BÁN | 2 |
| 1. Tổng quan | 2 |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 2 |
| 3. Ngành nghề kinh doanh chính:..... | 2 |
| 4. Mối quan hệ với tổ chức được chào bán:..... | 2 |
| 5. Tỷ lệ sở hữu: | 2 |
| IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐƯỢC CHÀO BÁN | 3 |
| 1. Giới thiệu chung về công ty | 3 |
| 2. Cơ cấu cổ đông | 3 |
| 3. Danh sách những công ty liên quan đến Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo | 4 |
| 4. Thông tin tài chính | 4 |
| 5. Điểm nhấn đầu tư..... | 9 |
| 6. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty | 9 |
| 7. Thông tin khác | 9 |
| 8. Tài liệu đính kèm | 9 |

I. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG (DHG)

Địa chỉ: 288 Bis Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: (84-292) 389 1433 Fax: (84-292) 389 5209

Website: www.dhgpharma.com.vn

2. Tổ chức được chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẢO VĨNH HẢO (TẢO VĨNH HẢO)

Địa chỉ: thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN CHÀO BÁN

| | |
|---|--|
| Tên cổ phần: | Cổ phần Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo |
| Loại cổ phần: | Cổ phần phổ thông |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng/01 cổ phần |
| Tổng số lượng cổ phần chào bán: | 376.300 cổ phần |
| Giá khởi điểm cả lô cổ phần: | 3.763.000.000 đồng |
| Phương thức bán: | Chào bán cạnh tranh |
| Tiền đặt cọc: | 1.200.000.000 đồng. |
| Thời gian nhận tiền đặt cọc: | chậm nhất trước 15h00 ngày 06/10/2020 |
| Thời gian nộp hồ sơ tham gia chào giá cạnh tranh: | từ 7h30 – 9h30 ngày 07/10/2020 |
| Nơi nhận hồ sơ: | Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, P. An Hoà, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |
| Thời gian tổ chức phiên đấu giá: | 9h30 ngày 07/10/2020 |

III. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Tổng quan

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
Tên tiếng Anh : DHG PHARMACEUTICAL JOINT – STOCK COMPANY
Tên viết tắt : DHG PHARMA
Trụ sở : 288 Bis Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại : (84-292) 389 1433
Fax : (84-292) 389 5209
Website : www.dhgpharma.com.vn

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của DHG là Xí nghiệp quốc doanh Dược phẩm 2/9, thành lập 02/9/1974 tại Kênh 5 Đất sét, Xã Khánh Lâm, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau.
- Ngày 02/9/2004: Cổ phần hóa Xí nghiệp Liên hợp Dược Hậu Giang thành Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang.
- Năm 2006: niêm yết cổ phiếu DHG trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM.
- Năm 2013: Hoàn tất xây dựng Nhà máy mới NonBetalactam và dự án nhà máy In – Bao bì DHG 1 tại Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh.
- Năm 2018: Điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài 49% lên 100% vốn điều lệ.
- Năm 2019: Năm đầu tiên trở thành thành viên của Công ty Dược đa quốc gia (cổ đông chiến lược Taisho sở hữu 51,01% vốn của Công ty).

3. Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, Dược mỹ phẩm

4. Mối quan hệ với tổ chức được chào bán: Công ty liên kết

5. Tỷ lệ sở hữu: 31,36%

IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Giới thiệu chung về công ty

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẢO VĨNH HẢO
- Tên tiếng Anh: VINH HAO SPIRULINA ALGAE CORPORATION
- Trụ sở chính: thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận
- GCNĐKKD: số 3400516059, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh:

| Mã số | Ngành nghề |
|--------------|--|
| 1079 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất tảo Spirulina, sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng. |
| 1080 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản |
| 2012 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ |
| 2023 | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm |
| 4649 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (hàng mỹ phẩm) |

2. Cơ cấu cổ đông

| Cổ đông | Vốn đã góp | |
|--|-----------------------|------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang | 3.763.000.000 | 31,36% |
| Nguyễn Trung Nghĩa | 1.550.000.000 | 12,92% |
| Công đoàn Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang | 1.400.000.000 | 11,67% |
| Nguyễn Hữu Khôi | 690.000.000 | 5,75% |
| Nguyễn Hoàng Tố Nga | 600.000.000 | 5,00% |
| 46 cổ đông khác | 3.997.000.000 | 33,31% |
| TỔNG CỘNG | 12.000.000.000 | 100% |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo chốt ngày 06/07/2020)

3. Danh sách những công ty liên quan đến Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hào

- Công ty mẹ: không có
- Danh sách công ty con, công ty liên kết: không có
- Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối: không có

4. Thông tin tài chính

- Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: Đồng

| Hạng mục | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Tại 30/06/2020 |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 4.753.299.194 | 5.024.745.682 | 5.375.895.571 | 5.401.956.057 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 195.133.632 | 188.684.435 | 225.571.205 | 250.932.278 |
| 1. Tiền | 195.133.632 | 188.684.435 | 225.571.205 | 250.932.278 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | - | - | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.400.000.000 | 3.200.000.000 | 4.400.000.000 | 4.400.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 3.400.000.000 | 3.200.000.000 | 4.400.000.000 | 4.400.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 92.760.562 | 102.455.383 | 155.994.268 | 229.020.419 |
| 1. Phải thu khách hàng | 16.736.399 | 11.531.399 | 16.693.899 | 37.443.899 |
| 2. Trả trước cho người bán | - | 17.500.000 | 20.000.000 | - |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | - | - | - | - |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 85.338.562 | 79.555.383 | 125.431.768 | 197.707.919 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (9.314.399) | (6.131.399) | (6.131.399) | (6.131.399) |
| IV. Hàng tồn kho | 1.065.405.000 | 1.533.605.864 | 594.330.098 | 522.003.360 |
| 1. Hàng tồn kho | 3.524.230.221 | 3.898.844.578 | 1.916.266.313 | 1.738.798.004 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (2.458.825.221) | (2.365.238.714) | (1.321.936.215) | (1.216.794.644) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | - | - | - | - |

| Hạng mục | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Tại 30/06/2020 |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | - | - | - | - |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | - | - | - | - |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | - | - | - | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 4.185.540.930 | 3.318.137.142 | 2.761.793.921 | 2.526.051.712 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | - | - | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | - | - | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán | - | - | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | - | - | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | - | - | - | - |
| 5. Phải thu dài hạn khác | - | - | - | - |
| 6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | - | - | - | - |
| II. Tài sản cố định | 4.185.540.930 | 3.318.137.142 | 2.761.793.921 | 2.526.051.712 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 4.185.540.930 | 3.318.137.142 | 2.761.793.921 | 2.526.051.712 |
| - Nguyên giá | 12.849.831.207 | 12.849.831.207 | 13.057.700.102 | 13.116.880.102 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (8.664.290.277) | (9.531.694.065) | (10.295.906.181) | (10.590.828.390) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | - | - | - | - |
| - Nguyên giá | - | - | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | - | - | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | - | - | - | - |
| - Nguyên giá | - | - | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | - | - | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | - | - | - | - |
| - Nguyên giá | - | - | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | - | - | - | - |

| Hạng mục | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Tại 30/06/2020 |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | - | - | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | - | - | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | - | - | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | - | - | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | - | - | - | - |
| TỔNG TÀI SẢN | 8.938.840.124 | 8.342.882.824 | 8.137.689.492 | 7.928.007.769 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 210.925.452 | 210.048.307 | 538.651.418 | 238.126.066 |
| I. Nợ ngắn hạn | 210.925.452 | 210.048.307 | 538.651.418 | 238.126.066 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | - | - | 273.140.005 | 62.363.017 |
| 2. Người mua trả tiền trước | - | 250.000 | - | 2.403.001 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | - | - | - | - |
| 4. Phải trả người lao động | 152.274.708 | 150.947.377 | 182.692.500 | 115.010.300 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 57.664.302 | 57.864.488 | 81.832.471 | 57.363.306 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | - | - | - | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | - | - | - | - |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 986.442 | 986.442 | 986.442 | 986.442 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 8.727.914.672 | 8.132.834.517 | 7.599.038.074 | 7.689.881.703 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |

| Hạng mục | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Tại 30/06/2020 |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 913.822.467 | 913.822.467 | 913.822.467 | 913.822.467 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (4.185.907.795) | (4.780.987.950) | (5.314.784.393) | (5.223.940.764) |
| 4. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | (2.557.417.957) | (4.185.907.795) | (4.780.987.950) | (5.314.784.393) |
| 5. LNST chưa phân phối kỳ này | (1.628.489.838) | (595.080.155) | (533.796.443) | 90.843.629 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 8.938.840.124 | 8.342.882.824 | 8.137.689.492 | 7.928.007.769 |

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào)

– Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Đồng

| Hạng mục | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 |
|--|------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng | 3.277.347.600 | 1.786.154.300 | 4.014.176.100 | 1.796.594.700 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 7.835.000 | 11.525.000 | 60.262.500 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng | 3.269.512.600 | 1.774.629.300 | 3.953.913.600 | 1.796.594.700 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 4.042.570.034 | 1.442.811.667 | 3.513.979.354 | 1.262.754.952 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng | (773.057.434) | 331.817.633 | 439.934.246 | 533.839.748 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 179.442.018 | 218.090.447 | 262.418.416 | 154.344.074 |
| 7. Chi phí tài chính | 27.710.000 | 11.969.000 | 19.000.000 | - |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | - | - | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 89.924.908 | 121.964.350 | 170.921.120 | 44.507.488 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 912.222.714 | 728.686.629 | 843.811.185 | 459.981.877 |
| 10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (1.623.473.038) | (312.711.899) | (331.379.643) | 183.694.457 |
| 11. Thu nhập khác | - | - | - | - |
| 12. Chi phí khác | 5.016.800 | 282.368.256 | 202.416.800 | 92.850.828 |
| 13. Lợi nhuận khác | (5.016.800) | (282.368.256) | (202.416.800) | (92.850.828) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (1.628.489.838) | (595.080.155) | (533.796.443) | 90.843.629 |
| 15.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - | - | - |
| 15.2 Lợi nhuận sau thuế TNDN | (1.628.489.838) | (595.080.155) | (533.796.443) | 90.843.629 |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (1.357) | (496) | (445) | 76 |

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo)

5. Điểm nhấn đầu tư

Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo được thành lập và hoạt động trong lĩnh vực sản xuất tảo Spirulina từ năm 2008 nên có nhiều lợi thế:

- Theo kết quả phân tích của Trung tâm Thí Nghiệm TP. Hồ Chí Minh năm 2013, tảo khoáng Spirulina Vĩnh Hảo chứa trên 62% lượng đạm, phong phú các Vitamin và khoáng chất. Trong thành phần đạm của tảo có chứa đến trên 17 loại acid amin, đặc biệt có trên 8 loại acid amin thiết yếu mà cơ thể không thể tự tổng hợp được.
- Với điều kiện thiên nhiên ưu đãi, tảo Spirulina Vĩnh Hảo sinh trưởng cho chất lượng rất tốt. Đặc biệt hàm lượng dinh dưỡng được phân tích ngang bằng với tảo Spirulina tại Mỹ, Nhật.
- Thương hiệu Tảo Spirulina Vĩnh Hảo đã được nhiều khách hàng trong và ngoài tỉnh Bình Thuận biết đến.

Qua quá trình sản xuất kinh doanh, Tảo Vĩnh Hảo đã đạt được nhiều công nhận về sản phẩm:

- Được chứng nhận của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) tại Việt nam về Nuôi trồng và thu hái (Tảo) theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới gọi tắt là tiêu chuẩn GACP-WHO 2003.
- Là sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Bình Thuận.
- Được Bộ Y tế – Cục ATTP chứng nhận số 3148/2013/ATTP-XNCB Công bố hợp quy an toàn thực phẩm.
- Được Bộ Y tế – Cục ATTP chứng nhận số 92/2013/ATTP-CNĐK Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Khó khăn hiện tại của Tảo Vĩnh Hảo:

- Hiện tại, Tảo Vĩnh Hảo chưa có bộ phận bán hàng chuyên nghiệp để phát triển mảng kinh doanh ngoài.
- Tảo Vĩnh Hảo gặp khó khăn khi mở rộng sản xuất do thiếu hụt nguồn nước khoáng RO để nuôi trồng tảo.

6. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty: Không có

7. Thông tin khác

- Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo có ký hợp đồng và phụ lục hợp đồng về cung ứng nguyên liệu Tảo đến 31/12/2022.

8. Tài liệu đính kèm:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và năm 2019 CTCP Tảo Vĩnh Hảo
- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 CTCP Tảo Vĩnh Hảo